

Bài báo nghiên cứu

PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHO VÙNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hà Thành^{1*}, Dương Thị Thủy¹, Đặng Kinh Bắc¹,
Nguyễn Hữu Duy¹, Vũ Thị Phương²

¹Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Hồng Đức, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hà Thành – Email: nguyenthithathanh.hus.edu.vn

Ngày nhận bài: 10-12-2021; ngày nhận bài sửa: 07-01-2021; ngày duyệt đăng: 22-01-2022

TÓM TẮT

Trong bối cảnh suy giảm đất ngập nước ngày càng gia tăng, phát triển du lịch gắn với bảo tồn đất ngập nước được coi là định hướng chiến lược giúp đáp ứng mục tiêu sử dụng khôn khéo đất ngập nước. Bài viết này tổng hợp và phân tích các tài liệu trong và ngoài nước về du lịch gắn với bảo tồn đất ngập nước. Kết quả nghiên cứu chỉ ra quan điểm định hướng kết hợp giữa phát triển du lịch và bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước, làm rõ thực trạng của hoạt động du lịch gắn với bảo tồn các vùng đất ngập nước vùng biển đảo Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra 5 nhóm giải pháp phát triển du lịch gắn với bảo tồn vùng đất ngập nước ven biển và đảo ở Việt Nam.

Từ khóa: biển đảo; du lịch; Việt Nam; đất ngập nước; bảo tồn đất ngập nước

1. Đặt vấn đề

Đất ngập nước chiếm một tỉ lệ đáng kể trong diện tích hành tinh, ước tính toàn cầu (chưa đầy đủ) là 1280 triệu ha (khoảng 9% diện tích bề mặt) (Ramsar, 2010). Tính đến nay, toàn thế giới có 2431 vùng đất ngập nước đã được công nhận là khu Ramsar với tổng diện tích đạt hơn 254,6 triệu ha (Ramsar, 2021). Tuy nhiên, hệ sinh thái các vùng đất ngập nước ven biển đang bị đe dọa nghiêm trọng cùng với sự gia tăng các hoạt động khai thác của con người. Tình trạng suy thoái đất ngập nước diễn ra trên toàn cầu với tốc độ nhanh (0,78%/năm), lớn hơn cả tốc độ mất đất rừng tự nhiên (0,24%/năm) (thống kê giai đoạn 1990-2015) (Ramsar, 2018). Trước thực trạng đó, bảo tồn giá trị hệ sinh thái đất ngập nước được nhận thức là nhiệm vụ cấp bách và cần thiết.

Nằm bên bờ Biển Đông, với đường bờ biển dài 3260km không kể các đảo, Việt Nam là quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng của khu vực Đông Nam Á cũng như vùng

Cite this article as: Nguyen Thi Ha Thanh, Duong Thi Thuy, Dang Kinh Bac, Nguyen Huu Duy, & Vu Thi Phuong (2022). Tourism development in association with wetland conservation: Current status and solutions for sea and islands in Vietnam. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(1), 147-158.

châu Á Thái Bình Dương. Nhờ đó, tài nguyên đất ngập nước của Việt Nam cũng rất phong phú và có giá trị. Nước ta có hơn 10 triệu ha đất ngập nước với 12.115 loài thủy sinh vật, phân bố trong môi trường biển, vùng nước lợ và vùng nước nội địa (IUCN Vietnam, 2012). Tài nguyên hệ sinh thái đất ngập nước ven biển ở Việt Nam phân bố rộng khắp từ Bắc xuống Nam, với hơn 20 hệ sinh thái có sự đa dạng về kiểu loại, trong đó điển hình là hệ sinh thái rừng ngập mặn, thảm cỏ biển và rạn san hô (MONRE, 2021a). Việt Nam hiện có 9 khu Ramsar được UNESCO công nhận (trong đó có 4 khu Ramsar nằm ở biển và ven biển), đồng thời đã thành lập nhiều khu bảo tồn thiên nhiên từ các vùng đất ngập nước có giá trị đa dạng sinh học cao và đều là các điểm du lịch hấp dẫn. Nhiều vũng vịnh, đảo, bãi biển là những kì quan thiên nhiên đã và đang được khai thác phát triển du lịch, như vịnh Hạ Long, vịnh Nha Trang, Lăng Cô, các bãi Trà Cổ, Cửa Lò, Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn, các đảo Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Phú Quốc, Côn Đảo, Thổ Chu... Tuy nhiên, các hoạt động du lịch đang gây nên nhiều sức ép về môi trường lên các hệ sinh thái đất ngập nước nói chung và các vùng đất ngập nước ven biển nói riêng, đặc biệt là các quần đảo và đảo. Nếu chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế và sinh kế người dân trong trường hợp này, thì công tác bảo tồn sẽ không thể được thực hiện tốt, và ngược lại.

Từ thực tiễn đó, mục tiêu của bài báo nhằm làm rõ vai trò của phát triển du lịch gắn với bảo tồn đất ngập nước trên thế giới, đồng thời dựa trên quan điểm phát triển và thực trạng ở Việt Nam để định hướng giải pháp áp dụng.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Cơ sở lý luận về phát triển du lịch gắn với bảo tồn vùng đất ngập nước

2.1.1. Khái niệm cơ bản về đất ngập nước

Công ước Ramsar định nghĩa đất ngập nước là: “Các khu vực đầm lầy, đất than bùn hoặc nước, dù là tự nhiên hay nhân tạo, vĩnh viễn hay tạm thời, với nước tĩnh hoặc chảy, với loại nước ngọt, lợ hoặc mặn, bao gồm vùng nước biển có độ sâu không quá 6m khi thủy triều thấp.” (Ramsar, 2010).

Đất ngập nước giữ vai trò quan trọng đối với toàn nhân loại, có thể kể đến như: Cung cấp nguồn nước ngọt; Đảm bảo nguồn cung thức ăn (thủy hải sản, lúa gạo được trồng từ các vùng lúa nước); Thanh lọc các chất thải độc hại từ nước; Giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên nhiên; Dự trữ carbon; Là môi trường sống thiết yếu cho đa dạng sinh học; Tạo nên các sản phẩm và sinh kế bền vững (Ramsar, 2015).

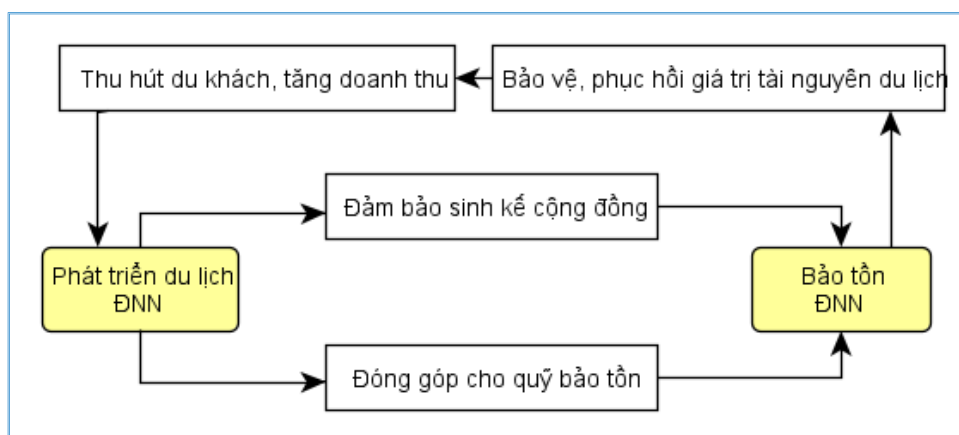
Bên cạnh đó, nhiều vùng đất ngập nước ven biển, đảo giữ vai trò quan trọng trong phát triển du lịch, như mang lại cảnh quan đẹp, cung cấp mặt nước cho các hoạt động giải trí, vui chơi, nghỉ dưỡng (như lặn biển, bơi lội, đi thuyền, cano, lướt ván...), cung cấp nguồn thủy hải sản cho ẩm thực, và là môi trường sống của các loài động thực vật có giá trị cho nghiên cứu, tìm hiểu, tham quan...

2.1.2. Vai trò của phát triển du lịch gắn với bảo tồn vùng đất ngập nước

Du lịch có thể gây ra những tác động tiêu cực đến hệ sinh thái các vùng đất ngập nước, có thể kể đến như: Ô nhiễm tiếng ồn, phát thải carbon, ô nhiễm môi trường nước, khai thác quá mức vật liệu xây dựng, thức ăn từ vùng đất ngập nước (Van der Duim et al., 2007); khai thác và tiêu thụ quá mức nguồn nước ngọt và nước ngầm ven biển (Stefano et al., 2004)... Từ đó, nó đe dọa đến tính toàn vẹn và thậm chí gây xáo trộn các đặc tính tự nhiên của vùng đất ngập nước (Khoshkam et al., 2014).

Tuy nhiên, các hoạt động du lịch cũng có thể là một trong những yếu tố quan trọng để đạt được mục tiêu phát triển bền vững (Mowforth et al., 2003). Nhiều nghiên cứu đã nhấn mạnh rằng phát triển du lịch giữ vai trò hết sức quan trọng đối với việc bảo tồn hiệu quả các vùng đất ngập nước. Tại các nước đang phát triển, các vùng đất ngập nước đang đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sinh kế và an ninh lương thực cho hàng triệu người. Chính vì thế, việc phát triển du lịch bền vững tại các khu vực đất ngập nước được xem là một trong những giải pháp khả thi để giảm thiểu đói nghèo và bảo tồn vùng đất ngập nước (Van der Duim et al., 2007). Do đó, muốn bảo tồn hiệu quả vùng đất ngập nước cần phải đặt sinh kế cộng đồng địa phương vào trong những mối quan tâm cần thiết (WWF & Equilibrium, 2008). Bản thân hoạt động du lịch giúp gia tăng doanh thu và bởi vậy góp phần tạo ra nguồn ngân sách cho bảo tồn đa dạng sinh học vùng đất ngập nước (Ramsar & UNWTO, 2012). Alessi và cộng sự năm 2019 đã nhấn mạnh rằng phát triển du lịch bền vững đã tạo ra nguồn kinh phí quan trọng cho các hoạt động bảo tồn và thúc đẩy lối sống xanh vùng đất ngập nước biển đảo. Điều này cũng đã được khẳng định trong các nghiên cứu của Van der Duim và cộng sự (2007), Carlisle và cộng sự (2005); Lamsal và cộng sự (2016).

Về mặt giá trị hệ sinh thái, vùng đất ngập nước là điểm đến đặc địa cho du lịch, cung cấp nhiều hàng hóa và dịch vụ, không chỉ cho các cộng đồng sống bên trong mà cả bên ngoài các khu vực đất ngập nước (Van der Duim et al., 2007). Trong đó, nhiều vùng đất ngập nước ven biển được coi là những điểm đến du lịch phổ biến, hấp dẫn trên thế giới. Ở Caribe, các rạn san hô đã tạo ra hoạt động du lịch trị giá ước tính 4,7 tỉ đô la Mỹ và 2,1 tỉ đô la Mỹ doanh thu ròng vào năm 2000. Tại Hoa Kỳ, các hoạt động du lịch trên các bãi biển, cửa sông và đất ngập nước chiếm xấp xỉ 85% các hoạt động du lịch (UNWTO, 2010). Các số liệu thống kê này làm nổi bật việc sử dụng khôn khéo các vùng đất ngập nước, với các hành vi thân thiện với môi trường trong việc gia tăng số lượng khách du lịch và giảm thiểu những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch (Khoshkam et al., 2011). Điều này cũng đã được chứng minh trong nhiều chương trình và dự án được thực hiện tại các quốc gia khác nhau (IUCN, 2012; UNWTO, 2010; Alessi et al., 2019). Ở Việt Nam, Quỹ Môi trường toàn cầu GEF và SGP là đại diện tiêu biểu triển khai hiệu quả nhiều dự án phục hồi hệ sinh thái vùng đất ngập nước ven biển để phục vụ phát triển du lịch từ Bắc vào Nam (GEF SGP, 2015; GEF SGP et al., 2018).



Hình 1. *Mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo tồn vùng đất ngập nước*

Mối quan hệ tương hỗ giữa phát triển du lịch và bảo tồn đất ngập nước (Hình 1) cho thấy phát triển du lịch gắn với bảo tồn các vùng đất ngập nước nói chung và các khu Ramsar nói riêng là cấp thiết, có thể xem là một trong những chiến lược quan trọng phục vụ phát triển và quy hoạch bền vững vùng đất ngập nước. Đặc trưng điểm đến đất ngập nước tạo ra tầm nhìn tổng thể và chiến lược cho du lịch, quy định lượng khách đến và loại hình du lịch được chấp nhận, có tính bền vững, quyết định nơi và cách thức mà các hoạt động du lịch được diễn ra, được quản lý và phát triển (Ramsar & UNWTO, 2012). Nhận thức được mối quan hệ này, nhiều doanh nghiệp du lịch toàn cầu cũng đang đóng góp công sức cho việc phục hồi, bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước (IUCN, 2012; Lim et al., 2005).

Ở cấp độ cao hơn, tiếp cận hệ sinh thái được coi là phương pháp hiệu quả được nhắc đến nhằm mục đích sử dụng khôn khéo các vùng đất ngập nước, bởi nó giúp đạt được sự cân bằng trong ba mục tiêu của Công ước Ramsar (Ramsar, 2010).

2.2. Thực trạng và định hướng giải pháp phát triển du lịch gắn với bảo tồn đất ngập nước vùng biển, đảo Việt Nam

2.2.1. Quan điểm phát triển du lịch bền vững và bảo tồn đất ngập nước ven biển ở Việt Nam

Vùng biển đảo đóng vai trò địa chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Việt Nam. Tuy nhiên, đây cũng là nơi chịu tác động mạnh bởi biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa và tình trạng suy thoái, ô nhiễm tài nguyên và môi trường. Nhận thức được những vấn đề đó, Nhà nước đã chú trọng xây dựng các chính sách phát triển sinh kế cho người dân ven biển, đồng thời hoạch định các chính sách quản lý tài nguyên môi trường biển và đảo, thể hiện trước hết qua Chiến lược biển 2030 (Nghị quyết số 36-NQ/TW), ban hành ngày 22/10/2018. (Central Committee of the Communist Party of Vietnam, 2018).

Về định hướng phát triển du lịch, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 được Chính phủ ban hành ngày 22/01/2020 cũng đã khẳng định một trong năm quan điểm phát triển du lịch Việt Nam trong giai đoạn mới là: “Phát triển du lịch bền vững và bao trùm, trên nền tảng tăng trưởng xanh, tối đa hóa sự đóng góp của du lịch cho các mục

tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc; quản lí, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh” (Prime Minister of Vietnam, 2020).

Về bảo tồn, Luật Đa dạng sinh học (Luật số 32/VBHN-VPQH) được ban hành ngày 10/12/2018 đã đưa ra 5 nguyên tắc bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, trong đó có đề cập đến sự kết hợp hài hòa giữa bảo tồn với khai thác, sử dụng hợp lí đa dạng sinh học; giữa bảo tồn, khai thác, sử dụng hợp lí đa dạng sinh học với việc xóa đói, giảm nghèo. Năm 2019, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 66/2019/NĐ-CP về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước. Trong đó, bên cạnh các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi và giám sát các vùng đất ngập nước quan trọng, thì Chính phủ cũng khuyến khích thực hiện “mô hình sinh kế bền vững về môi trường, mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước, các hoạt động du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật” (Congress Office of Vietnam, 2018).

Gần đây, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước giai đoạn 2021-2030, nhấn mạnh định hướng bảo tồn, phục hồi các vùng đất ngập nước bị suy thoái, đặc biệt là các khu bảo tồn đất ngập nước, khu Ramsar, một số hệ sinh thái rừng tràm, rừng ngập mặn, rạn san hô và thảm cỏ biển. Trong đó, việc “xây dựng và triển khai các mô hình sinh kế bền vững về môi trường” được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng để quản lí hiệu quả các vùng đất ngập nước.

Như vậy, thông qua các chính sách vĩ mô đã được ban hành gần đây, có thể nhận thấy quan điểm của Nhà nước khá rõ ràng: (1) Nhấn mạnh yêu cầu phát triển bền vững vùng biển đảo, thúc đẩy nền kinh tế biển xanh; (2) Đề cao tầm quan trọng của phát triển du lịch bền vững có gắn với bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học; (3) Khuyến khích thực hiện mô hình sinh kế bền vững và các hoạt động du lịch sinh thái đối với các vùng đất ngập nước. Qua đó, phát triển du lịch gắn với bảo tồn cho vùng đất ngập nước ven biển, đảo là định hướng hoàn toàn phù hợp với các chủ trương và chính sách trong giai đoạn hiện nay.

2.2.2. Tài nguyên đất ngập nước vùng biển đảo Việt Nam phục vụ du lịch

Với khoảng 10 triệu ha diện tích đất ngập nước, khu vực đất ngập nước ở Việt Nam chiếm quy mô khoảng 8% diện tích đất ngập nước của châu Á. Trong đó, nguồn tài nguyên đất ngập nước vùng biển đảo hết sức phong phú với 6000 loài động vật đáy, 1028 loài cá, 653 loài rong biển, 848 loài chim, 15 loài rắn biển, 12 loài thú biển, 5 loài rùa biển và hơn 11.000 loài động vật không xương sống (MONRE, 2021). Hệ sinh thái đất ngập nước cũng đa dạng và tiêu biểu với rừng ngập mặn, rạn san hô cùng cỏ biển, tạo việc làm cho hơn 20 triệu người dân (IUCN, 2012), mang lại giá trị to lớn cho phát triển nông nghiệp và du lịch. Bên cạnh đó, hệ sinh thái đất ngập nước ven biển cũng rất đa dạng như cửa sông, đầm phá, bãi cát, ruộng lúa, đầm và ao nuôi trồng thủy sản, được phân bố dọc theo bờ biển.

Diện tích rừng ngập mặn vùng biển đảo đạt khoảng 155.290ha với 32.402ha rừng tự

nhiên (chiếm 21%), phân bố chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long (IUCN Vietnam, 2009). Trong đó, du lịch sinh thái rừng ngập mặn cũng là một trong những hoạt động du lịch hấp dẫn tại Cà Mau, Bạc Liêu, Cần Giờ, Rú Chá, Cẩm Thanh (Hội An), Côn Đảo, Cù Lao Chàm... Bên cạnh đó, tài nguyên rạn san hô cũng được phân bố rộng từ Bắc vào Nam, với tổng diện tích khoảng 110.000ha (Vo et al, 2005). Việt Nam có khoảng 350 loài san hô, trong tổng số hơn 450 loài của vùng biển Đông Nam Á, phân bố rộng khắp từ Bắc tới Nam với quy mô đạt 1112km² và xuất hiện nhiều nhất tại quần đảo Trường Sa. Khu vực biển Nam Trung Bộ đa dạng với 300 loài thuộc 65 giống, riêng vịnh Nha Trang đạt 350 loài với độ phủ khác nhau (IUCN Vietnam, 2012). Ngoài rạn san hô, nước ta hiện xác định được 14 trong tổng số 16 loài cỏ biển thuộc khu vực Đông Nam Á (MONRE, 2021), xuất hiện tại vùng triều ven biển, quanh đảo, cửa sông, rừng ngập mặn, vịnh, nhiều nhất tại phá Tam Giang và vịnh Cam Ranh. Hệ sinh thái rạn san hô và cỏ biển với nhiều loại có giá trị đa dạng sinh học cao, ngoài vẻ đẹp tự nhiên độc đáo còn là môi trường sinh trưởng quan trọng của nhiều loài thủy hải sản. Đây là nguồn tài nguyên quý giá cho các hoạt động du lịch, như tham quan, lặn ngắm san hô, cỏ biển và hệ sinh thái động thực vật dưới nước, cung cấp nguồn thủy hải sản có giá trị kinh tế cao...

Vùng đất ngập nước ven biển, đảo của Việt Nam có nhiều bãi biển và vịnh được đánh giá tầm cỡ thế giới, như bãi Đầm Trầu (Côn Đảo), bãi An Bàng (Hội An), Bãi Dài (Phú Quốc), bãi biển Mỹ Khê (Đà Nẵng), bãi biển Nha Trang; các vịnh Hạ Long, vịnh Nha Trang, vịnh Lăng Cô... có sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước. Khu vực đất ngập nước ven biển còn là điểm đến quan trọng, là nơi cư trú thường xuyên của các loài chim nước, chim ven biển di cư, trong đó có một số loài đang bị đe dọa toàn cầu. Đặc biệt, vùng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng có khoảng 30 sân chim lớn như Vườn quốc gia (VQG) Xuân Thủy, Bạc Liêu, Đầm Dơi, Cái Nước, Tràm Chim... có ý nghĩa to lớn đối với nghiên cứu khoa học, giáo dục và phát triển du lịch sinh thái.

Các đảo và quần đảo cũng đang trở thành điểm đến lí tưởng, ngày càng hấp dẫn du khách, với nhiều sản phẩm du lịch độc đáo dựa trên tài nguyên đất ngập nước. Bên cạnh các hoạt động du lịch phổ biến như tắm biển, ngắm cảnh biển, thể thao trên biển và thưởng thức ẩm thực từ các loài thủy hải sản, thì nhiều nơi lại phát triển được những sản phẩm du lịch đất ngập nước riêng để thu hút du khách. Khách đến với vịnh Hạ Long – di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO hai lần công nhận về giá trị thẩm mỹ và giá trị địa chất, địa mạo – có thể trải nghiệm tour du lịch thú vị trên thuyền trong 2 ngày 1 đêm. Phú Quốc – thành phố đảo duy nhất của Việt Nam hiện nay – nổi bật với các hoạt động đi bộ dưới đáy biển, lặn ngắm san hô, đi cáp treo ngắm biển và thành phố, dịch vụ quay flycam trên bờ biển, tham quan cơ sở nước mắm truyền thống... Các sản phẩm du lịch tham quan rùa đẻ trứng, thả rùa về biển rất đặc sắc ở VQG Côn Đảo. Khách đến với Lý Sơn được chứng kiến vẻ đẹp của các kiến tạo địa chất như cổng Tò Vò, hang Câu, tham quan và thưởng thức sản phẩm từ các cánh đồng trồng hành và tỏi đặc sản dựa trên nguồn tài nguyên quý giá của vùng đất ngập nước là cát san hô...

2.2.3. *Thực trạng hoạt động du lịch gắn với bảo tồn đất ngập nước ở vùng biển đảo Việt Nam*

Năm 2019, dải ven biển Việt Nam tập trung đến 70% khu, điểm du lịch trong cả nước, thu hút 48-65% lượng khách du lịch, tạo ra nguồn doanh thu chiếm đến 70% tổng doanh thu du lịch, vào khoảng 43.200 tỉ đồng (MONRE, 2021b). Bên cạnh nguồn lợi kinh tế, các hoạt động du lịch cũng đã tác động tiêu cực đến môi trường đất ngập nước vùng biển, đảo. Diện tích rừng ngập mặn được ghi nhận đã suy giảm đến 70% từ năm 1943 đến năm 2012. Diện tích thảm cỏ biển đang suy giảm rõ rệt, ước tính 40-60% diện tích từ Quảng Ninh đến Hà Tiên. Tại một số khu vực, thảm cỏ biển gần như không còn cơ hội để phục hồi tự nhiên do tác động quá lớn từ hoạt động du lịch và nuôi trồng thủy sản như ở Cát Bà, Hạ Long, Quảng Nam... 12% rạn san hô cũng đã mất đi trong hơn 20 năm qua, chủ yếu ở các vùng đông dân cư và phát triển du lịch như vịnh Hạ Long, các tỉnh ven biển miền Trung và thậm chí ở một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa; 20% lượng cá bị khai thác quá mức hoặc khai thác cạn kiệt, nhiều loài sinh vật biển đứng trước nguy cơ tuyệt chủng (MONRE, 2021b).

Nhiều công trình nghỉ dưỡng, du lịch, hạ tầng giao thông được xây dựng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cảnh quan và môi trường tự nhiên của kì quan thế giới vịnh Hạ Long, như ở Cửa Lục, đảo Tuần Châu, Bãi Cháy; đảo Hòn Tằm, đảo Hòn Rùa, vịnh Cam Ranh (Nha Trang); Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh)...; tình trạng ô nhiễm chất hữu cơ vượt mức cho phép quan trắc ở nhiều khu du lịch và khu đông dân cư như Cửa Lục, Sầm Sơn, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu (MONRE, 2021b)... Nhu cầu xử lý rác thải, nước thải ngày càng lớn, tỉ lệ thuận với sự gia tăng du khách; tình trạng khan hiếm tài nguyên nước ngọt, hạn chế diện tích đất sử dụng cũng đang là bài toán khó đối với nhiều huyện đảo, như Phú Quốc, Lý Sơn, Côn Đảo.

Các hoạt động xả thải và nước la canh từ tàu du lịch vẫn chưa được kiểm soát, gây ô nhiễm môi trường nước biển. Rác thải nhựa đại dương vẫn còn nhiều, gây áp lực lên môi trường sống của các loài sinh vật biển, kể cả ở những đảo xa bờ như Bái Tử Long, Hòn Cau, Côn Đảo... (MONRE, 2021b). Ý thức của du khách chưa cao; hoạt động quản lí du lịch sinh thái chưa thực sự hiệu quả, thiếu nguồn vốn và nguồn nhân lực có chất lượng cho hoạt động bảo tồn... cũng đang là những thách thức đối với việc quản lí nguồn tài nguyên đất ngập nước biển, đảo.

Tuy vậy, nhiều nỗ lực phát triển du lịch gắn với bảo tồn cũng đã và đang được triển khai. Trong nhiều năm trở lại đây, sự kết hợp giữa các hoạt động du lịch sinh thái và nghiên cứu khoa học đã mang lại doanh thu cho nhiều khu đất ngập nước ven biển tại Việt Nam, điển hình là khu vực đất ngập nước Vân Long (Ninh Bình), VQG Xuân Thủy (Nam Định) với quy mô khoảng 40-50 đoàn/năm, Thái Thụy (Thái Bình), Tam Giang – Cầu Hai (Thừa Thiên Huế) cũng đã đón khách. Bên cạnh đó, các mô hình du lịch kết hợp cũng được nhiều địa phương áp dụng như du lịch rừng ngập mặn kết hợp tìm hiểu hoạt động nuôi trồng thủy sản tại vịnh Ông Bền, vịnh Gành Rái, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tạo sinh

kể cho người dân tham gia chuỗi du lịch, tạo động lực bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; hay vùng đầm phá ven biển như Rú Chá, Côn Tè, Hải Dương, Thuận An (thành phố Huế) đã thu hút du khách nội địa tham quan hệ sinh thái tự nhiên cùng trải nghiệm nuôi trồng thủy sản. Các hoạt động du lịch sinh thái nông nghiệp tại rừng ngập mặn Cà Mau (tỉnh Cà Mau) và Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh) cũng đã bước đầu được triển khai. Côn Đảo là điểm triển khai nhiều tuyến, điểm du lịch sinh thái rừng và biển khá hiệu quả, đã tính đến giới hạn sức chứa du khách ở các điểm du lịch đảo dưới sự điều hành và kiểm soát chặt chẽ của Ban quản lý VQG.

Sự gắn kết có lợi giữa bảo tồn và phát triển du lịch đang ngày càng được minh chứng rõ ràng. Côn Đảo là nơi đầu tiên của Việt Nam triển khai thành công dự án bảo tồn loài vich quý hiếm. Hàng năm, Côn Đảo có khoảng 2000 rùa mẹ lên đẻ trứng, với trên 100.000 rùa con được thả về biển mỗi năm, nhờ đó tạo nên sức hấp dẫn đối với khách du lịch sinh thái. Các dự án phục hồi rạn san hô ở Côn Đảo, Quy Nhơn, Cù Lao Chàm... cũng đã được thực hiện và đạt được những thành công nhất định, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch đất ngập nước ở đây. Quỹ Môi trường toàn cầu SGP là một trong những đại diện tiêu biểu triển khai hiệu quả nhiều dự án phục hồi hệ sinh thái đất ngập nước ven biển để phục vụ phát triển du lịch ở nước ta, có thể kể đến như: Phục hồi và khai thác bền vững cua đá Cù Lao Chàm dựa vào cộng đồng; Dự án phục hồi và bảo tồn rừng dừa nước Cẩm Thanh nhằm phục vụ du lịch sinh thái và phát triển bền vững; Dự án khôi phục và sử dụng bền vững hệ sinh thái rạn san hô cho phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; Dự án Xây dựng mô hình cộng đồng tự quản lý, bảo vệ và tôn tạo khu bảo tồn đa dạng sinh học Vân Long, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình (GEF SGP, 2015); Dự án Bảo tồn rùa biển phục vụ du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại KBTB Hòn Cau, Bình Thuận (GEF SGP et al., 2018). Các hoạt động tham quan du lịch Khu bảo tồn vịnh Nha Trang chỉ tính riêng năm 2006 đã thu được đến 150.000 USD tiền phí, trong đó 115.000 USD được trích lại cho các hoạt động bảo tồn (Hoang et al., 2008).

Đứng trước bối cảnh đó, có thể nhận thấy rằng yêu cầu về phát triển du lịch gắn với bảo tồn đã dần được nhận thức rộng rãi, nhưng vẫn mới chỉ là những nỗ lực triển khai đơn lẻ, cần được hành động mạnh mẽ hơn nữa, có giải pháp cụ thể, thiết thực và đồng bộ hơn nữa.

2.2.4. Định hướng phát triển du lịch gắn với bảo tồn đất ngập nước ven biển, đảo ở Việt Nam

Căn cứ trên cơ sở mối liên kết chặt chẽ giữa phát triển du lịch và bảo tồn đất ngập nước; quan điểm phát triển du lịch; điều kiện thực tế về tài nguyên và thực trạng tác động tiêu cực của các hoạt động du lịch đến tài nguyên tại các vùng đất ngập nước ven biển, đảo của Việt Nam đã đề cập ở trên; cùng với việc tham khảo nhiều kinh nghiệm nước ngoài, chúng tôi đề xuất một số định hướng giải pháp nhằm phát triển du lịch bền vững, gắn với bảo vệ tài nguyên đất ngập nước ven biển, đảo như sau:

- Tổ chức không gian du lịch trên cơ sở phân vùng bảo tồn trên biển. Đối với mỗi phân khu bảo tồn, các hoạt động du lịch cần được tổ chức theo các mức độ khác nhau: nghiêm

cấm hoàn toàn, hoạt động du lịch có giới hạn (về loại hình hoạt động, số lượng du khách trong những thời điểm nhất định, về loại hình, tốc độ và số lượng tàu thuyền du lịch), hoạt động du lịch thông thường gắn với các quy định...

- Về thị trường khách du lịch: hướng đến đối tượng khách du lịch sinh thái; Cần xây dựng chương trình, sản phẩm du lịch phù hợp cho từng đối tượng cụ thể như nhà nghiên cứu; học sinh, sinh viên trong và ngoài nước; người ưa thích tìm hiểu khám phá thiên nhiên; khách đến tham quan, giải trí... Du khách đến tôn trọng thiên nhiên, văn hóa và xã hội của địa phương trong/xung quanh vùng đất ngập nước, coi họ là một thành phần của hệ sinh thái nhân văn, có ý thức góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội tại điểm đến, tuân thủ mọi quy định, quy chế để giảm thiểu tốc độ, tiếng ồn, cũng như tác hại đến các loài sinh vật và môi trường tự nhiên.

Bên cạnh đó, các nhóm giải pháp cụ thể được đề xuất như sau: (1) *Quản lí và quản trị hoạt động bảo tồn*: Quản lí và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên bắt đầu từ việc lập kế hoạch; Xây dựng chính sách cụ thể về bảo tồn tài nguyên; Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học như đánh giá dịch vụ hệ sinh thái, tính toán sức tải môi trường; Xem xét nghiên cứu đề án tăng phí tham quan VQG và sử dụng một phần kinh phí cho các hoạt động bảo tồn; Tăng cường tuyên truyền giáo dục nhận thức về bảo tồn và du lịch bền vững cho cộng đồng và du khách; (2) *Quản lí và quản trị hoạt động du lịch*: Phát triển du lịch bền vững vùng đất ngập nước bằng việc xác lập và tuân thủ nghiêm ngặt phân khu bảo tồn và các quy định về hoạt động được thực hiện trong từng phân khu; Xây dựng công cụ cùng bộ chỉ tiêu để có thể đo lường, giám sát hoạt động du lịch bền vững, đồng thời gắn kết chúng với chính sách địa phương; Tạo điều kiện trao đổi, giao lưu nhiều hơn giữa người dân địa phương và du khách; (3) *Vận dụng lối sống xanh*: Xây dựng các tài liệu hướng dẫn sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng tại các cơ sở dịch vụ lưu trú, ăn uống, như: Sử dụng nguyên liệu thủy hải sản biển có nguồn gốc rõ ràng và được phép; Sử dụng nguồn nguyên vật liệu bản địa, thân thiện với môi trường để xây dựng, trang trí; Bố trí không gian xanh hợp lí; Sử dụng ánh sáng và âm thanh phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến các loài động vật xung quanh; Tuyên truyền tiết kiệm nước ngọt, điện và hạn chế xả rác, sử dụng hóa chất tẩy rửa không thân thiện với môi trường; Dán nhãn xanh sinh thái cho các doanh nghiệp; (4) *Xây dựng các mô hình du lịch do cộng đồng địa phương quản lí và thực hiện*, nhằm tăng cường cơ hội hưởng lợi và nâng cao trách nhiệm bảo tồn của cộng đồng địa phương; (5) *Tăng cường liên kết giữa các nhà quản lí, nhà khoa học, các doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và du khách* để liên tục nâng cao chất lượng các tuyến du lịch sinh thái, sản phẩm du lịch sinh thái và giải pháp bảo tồn hiệu quả bằng các hoạt động hội thảo, giao lưu, hợp tác, chia sẻ, góp ý... Bên cạnh đó, mối liên kết giữa các cấp quản lí cũng cần được chú trọng. Cần thực sự thống nhất về hệ thống quản lí, hợp tác và phân chia trách nhiệm đối với từng lĩnh vực (ở đây lĩnh vực chính là phát triển du lịch và hoạt động bảo tồn), đối với các nhóm đối tượng liên quan để đảm bảo sự đồng bộ, thông suốt hoạt động của hệ thống.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã xác lập được cơ sở lí luận về mối quan hệ giữa phát triển du lịch với bảo tồn đất ngập nước, cho thấy phát triển du lịch bền vững không chỉ đảm bảo sinh kế cho cộng đồng địa phương, mà còn giúp tăng hiệu quả của các hoạt động bảo tồn, quản lí tài nguyên và môi trường. Trong bối cảnh của Việt Nam, có thể nhận thấy rằng nhiều vùng đất ngập nước ven biển, đảo từ bắc vào nam đã và đang trở thành những điểm đến du lịch hấp dẫn, quan trọng. Đứng trước tình trạng suy thoái môi trường hệ sinh thái đất ngập nước biển, đảo, nhiều chương trình, dự án phát triển du lịch gắn với bảo tồn cũng đã được triển khai. Tuy nhiên, các hành động này vẫn chưa có sự triển khai thống nhất, đồng bộ, rộng rãi và thiết thực trên cả nước. Vận dụng cơ sở lí luận cùng kết quả hiện trạng, nghiên cứu đã định hướng không gian du lịch, thị trường du lịch và đề xuất năm nhóm giải pháp góp phần phát triển du lịch bền vững gắn với bảo tồn vùng đất ngập nước ven biển, đảo ở Việt Nam: (1) Quản lí và quản trị hoạt động bảo tồn; (2) Quản lí và quản trị hoạt động du lịch; (3) Vận dụng lối sống xanh; (4) Xây dựng mô hình du lịch do cộng đồng địa phương quản lí và thực hiện; (5) Tăng cường liên kết giữa các nhà quản lí, nhà khoa học, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và du khách; giữa các cấp quản lí. Đây chính là những giải pháp hữu hiệu và thiết thực để hướng tới một nền kinh tế biển xanh trong tương lai.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

❖ **Lời cảm ơn:** Bài báo được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ (Bộ Tài nguyên & Môi trường) “Nghiên cứu, đánh giá hệ sinh thái đất ngập nước ven biển Vườn quốc gia Côn Đảo, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững”, mã số TNMT.2021.562.07.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alessi, C., Pavi, T., D'Avray, L. T. de V., Santo, M., Tardieu, F., & C. (2019). *Pangatalan: an Example of a Sustainable Island as a Part of a Biosphere Reserve*. Sulubaa Environmental Foundation Inc., Palawan.
- Carlisle, A. P., & Kathleen, M. C. (2005). Ecotourism as a Means of Conserving Wetlands. *Journal of Agricultural and Applied Economics*, 37(2): 463-474. doi: 10.1017/S1074070800006933
- Central Committee of the Communist Party of Vietnam (2018). *Nghi quyết về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [Resolution on Vietnam Marine Economic Development Strategy until 2030, a Vision to 2045]*. Resolution 36/ND-TW. Released on 22 October 2018. Retrieved from: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-36-NQ-TW-2018-chien-luoc-phat-trien-ben-vung-kinh-te-bien-Viet-Nam-den-nam-2030-397978.aspx>
- Congress Office of Vietnam (2018). *Luật Đa dạng sinh học [Law on Biodiversity]*. No.32/VBHN-VPQH. Released on 10 December 2018. Retrieved from: <http://congbao.chinhphu.vn/noi-dung-van-ban-so-32-vbhn-vpqh-28161?cbid=25346>

- GEF SGP (2015). *Bao ton da dang sinh hoc bien va dat ngap nuoc – Kinh nghiệm tu mot so du an nho GEF [Marine and Wetland Biodiversity Conservation – Experience from Small Projects GEF]*. Hanoi.
- GEF SGP & Farmer Association of Tuy Phong district (2018). *Bao ve rua bien phuc vu phat trien du lich sinh thai co su tham gia cua cong dong tai Khu bao ton bien Hon Cau, tinh Binh Thuan [Protecting Sea Turtles for Ecotourism Development with the Participation of the Community in Hon Cau Marine Protected Area, Binh Thuan province]*.
- Hoang, M. H., Meine, V. N., & Pham, T. T. (2008). *Payment for Environment Services: Experiences and Lessons in Vietnam*. World Agroforestry Centre (ICRAF).
- IUCN (2012). *Biodiversity: My hotel in action A guide to sustainable use of biological resources in the Caribbean Gland*. Switzerland: IUCN and TRAFFIC.
- IUCN Vietnam (2009). *Tong quan ve ap dung tiep can he sinh thai vao cac khu dat ngap nuoc tai Viet Nam [Application of the ecosystems approach to the wetlands in Vietnam]*. Luck House Graphic Company.
- IUCN Vietnam (2012). *Dau tu cho cac he sinh thai vung bo bien [Invest on Marine Ecosystems]*. Luck House Graphic Company.
- Khoshkam, M., & Marzuki, A. (2011). Environmentally Friendly Wetlands Management for Tourism. *WIT Transactions on Ecology and The Environment*. Vol.148. WIT Press. doi:10.2495/RAV110511
- Lamsal, P., Atreya, K., Pant, K. P. and Kumar, L. (2016). Tourism and Wetland Conservation: Application of Travel Cost and Willingness to Pay an Entry Fee at Ghodaghodi Lake Complex, Nepal. *Natural Resources Forum 40 (2016)* 51–61. DOI: 10.1111/1477-8947.1208
- Lim, C., McAleer, M. (2005). Ecologically Sustainable Tourism Management. *Environmental Modelling and Software 20(11)*:1431-1438. DOI: 10.1016/j.envsoft.2004.09.023
- Ministry of Natural Resources and Environment (MONRE) (2021). *Bao cao thuyet minh chien luoc khai thac, su dung ben vung tai nguyen, bao ve moi truong bien va hai dao den nam 2030, tam nhin den nam 2045 [The Report on the strategy of sustainable resources exploitation and usage, sea and islands' environment protection to 2030, a vision to 2045]*. Hanoi.
- Ministry of Natural Resources and Environment (MONRE) (2021). *Bao cao hien trang moi truong bien va hai dao quoc gia giai doan 2016-2020 [The Report on Current Conditions of National Sea and Islands' Environment for the period 2016-2020]*. Hanoi.
- Mowforth, M., & Munt, I. (2003). *Tourism and Sustainability Development and New Tourism in the Third World*. 2nd edition. London: Routledge.
- Prime Minister of Vietnam (2020). *Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 [Decision Approving the Strategy of Vietnam Tourism Development Until 2030]*. Decision 147/QĐ-TTg. Released on 22 January 2020. Retrieved from: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyết-dinh-147-QĐ-TTg-2020-phe-duyet-Chien-luoc-phat-trien-du-lich-Viet-Nam-den-nam-2030-433518.aspx>
- Prime Minister of Vietnam (2021). *Quyết định ban hành kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước giai đoạn 2021-2030 [Decision Issuing the National Action Plan on Conservation and Sustainable Using Wetlands for the period 2021-2030]*. Decision 1975/QĐ-TTg. Released on 24 November 2021.

- Ramsar (2010). *Wise Use of Wetlands: Concepts and Approaches for the Wise Use of Wetlands*. Ramsar handbooks for the wise use of wetlands, 4th edition, Vol.1. Ramsar Convention Secretariat, Gland, Switzerland.
- Ramsar (2015). *Wetlands: Why should I care?* Factsheet 1.
- Ramsar (2018). *The Global Wetland Outlook – State of the World’s Wetlands and Their Services to People 2018*. Switzerland. 18.
- Ramsar (2021). *Ramsar Sites Information Service*. Retrieved 10 September 2021 from <https://rsis.ramsar.org/>
- Ramsar & UNWTO (2012). *Destination Wetlands: Supporting Sustainable Tourism*. Madrid, Spain.
- Stefano, L. D. (2004). *Freshwater and Tourism in the Mediterranean*. Rome: WWF-Mediterranean Programme. 35 pages. United Nations Conference on Environment and Development (1992). *Convention on Biological Diversity* (1992). 31:4 ILM 818. Retrieved 13 September 2021 from <https://www.cbd.int/doc/legal/cbd-en.pdf>
- UNWTO (2010). *Tourism and Biodiversity – Achieving Common Goals Towards Sustainability*. Spain.
- Van de Duim, R., and Henkens, R. (2007). *Wetlands, Poverty reduction and sustainable tourism development, opportunities and constraints*. Wetlands International, Wageningen, The Netherlands.
- Vo, S. T., Nguyen, H. Y., & Nguyen, V. L. (2005). *He sinh thái rạn san hô biển Việt Nam [Coral Reef Ecosystem in Vietnam]*. Science and Technics Publishing House. Ho Chi Minh City.
- WWF and Equylibirium (2008). *Safety Net – Protected Areas and Poverty Reduction*. A research report.

**TOURISM DEVELOPMENT IN ASSOCIATION WITH WETLAND CONSERVATION:
CURRENT STATUS AND SOLUTIONS FOR SEA AND ISLANDS IN VIETNAM**

**Nguyen Thi Ha Thanh^{1*}, Duong Thi Thuy¹, Dang Kinh Bac¹,
Nguyen Huu Duy¹, Vu Thi Phuong²**

¹University of Science, Vietnam National University, Hanoi, Vietnam

²Hong Duc University, Vietnam

*Corresponding author: Nguyen Thi Ha Thanh – Email: nguyenthithanh.hus.edu.vn

Received: December 10, 2021; Revised: January 07, 2022; Accepted: January 22, 2022

ABSTRACT

In the context of wetland depletion, sustainable tourism development associated with wetland conservation is a strategic direction to meet the goal of wise use of wetlands. The main method used in this study is document analysis on wetland tourism and conservation. The research results indicate the oriented perspective of combining tourism development and wetland ecosystem conservation, clarifies the status and challenges of tourism activities in association with the conservation of wetlands in Vietnam’s sea and islands. Based on the results, some orientations and solutions are proposed to develop tourism associated with the conservation of coastal and islands wetlands in Vietnam.

Keywords: sea and islands; tourism; Vietnam; wetlands; wetland conservation